TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2017
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiểm

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Mai Thị Sửu

2) Bà Trần Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXX - ST ngày 20 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ma Thị S, sinh năm: 1973.

HKTT: Thôn BL2, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện trú tại: Xóm KH, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(*Có mặt tại phiên tòa).*

2. Bị đơn: Ông Âu Ngọc M, sinh năm: 1951.

Địa chỉ: Thôn BL2, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(*Vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản khai bổ sung và quá trình xét xử, nguyên đơn – bà Ma Thị S trình bày:

Bà và ông Âu Ngọc M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 quyển số 01/ĐKKH ngày 15 tháng 01 năm 2007. Việc kết hôn bà và ông M hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn, bà và ông M sống chung với nhau tại thôn BL2, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được vài năm đầu sau đó vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường bất đồng về quan điểm, về cách sống. Ông M thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Mỗi lần uống rượu say ông M lại sinh sự, chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Thậm chí, nhiều lần ông M đánh bà. Không thể chịu đựng được, ngày 19/4/2016 bà đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì lẫn nhau. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà xin được ly hôn với ông Âu Ngọc M.

Bà S xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn là ông Âu Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án ông xác định: Về quá trình kết hôn như bà S khai là đúng. Trong thời gian sống chung, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu. Năm 2011, ông đồng ý để cho bà S đi làm, kiếm thêm thu nhập cho gia đình, nhưng ông không được biết bà đi làm đâu và làm gì. Kể từ khi đi làm, bà S không quan tâm, chăm sóc gì đến gia đình, không liên lạc với ông, vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông đồng ý ly hôn với bà S.

Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành mở phiên họp Hòa giải nhưng ông M không có mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Sau đó bà S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa: Ông Âu Ngọc M vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn là bà Ma Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Âu Ngọc M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa ngày hôm nay ông Âu Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ma Thị S và ông Âu Ngọc M có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật được pháp luật công nhận.

Về nội dung: Xét yêu cầu của bà S xin được ly hôn ông Âu Ngọc M thấy: Tại phiên tòa, vắng mặt ông M nhưng trong quá trình giải quyết, ông M xác định: Mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được việc bà S xin ly hôn ông đồng ý. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa bà Ma Thị S và ông Âu Ngọc M.

Bà S và ông M xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Cho ly hôn giữa bà Ma Thị S và ông Âu Ngọc M.

Về án phí: Bà Ma Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28. Các Điều 35, 39,147, 227, 228, 271,273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ma Thị S và ông Âu Ngọc M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Ma Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 VNĐ theo biên lai thu số 0017867 ngày 24 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà S; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt ông M; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *THADS huyện Đ;*
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *Lưu, HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiểm